

Số: 31/2020/QĐST-DS

Cao Bằng, ngày 11 tháng 8 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN DÂN SỰ**

Căn cứ vào các điều 48; điểm c, g khoản 1 điều 217, 218, 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm;

Xét thấy: Vụ việc đã được giải quyết trong vụ án hình sự sơ thẩm và phúc thẩm có hiệu lực pháp luật. Người khởi kiện rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện vào ngày 10/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thụ lý số 35/2020/TLST-DS ngày 01 tháng 7 năm 2020, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”*” giữa:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Thị H – sinh năm 1959

TT: SN 049, tổ 8, Vườn Cam, phường Hợp Giang, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Người được ủy quyền của nguyên đơn: Nguyễn Thị T - sinh năm 1944

TT: Tổ 02, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- *Bị đơn*: Đoàn Thị P

Địa chỉ: Tổ 01, phường Ngọc Xuân, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án: đương sự không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự đó, nếu việc khởi kiện vụ án sau không có gì khác với vụ án trước về nguyên đơn, bị đơn và quan hệ pháp luật có tranh chấp.

Về án phí: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 4.500.000đ (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tiền phí, lệ phí số AA/2018/0000766, ngày 22/6/2020 tại chi cục thi hành án dân

sự thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

3. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát ND TPCB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thúy H

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 45-DS:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự; nếu Tòa án ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi rõ tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Nghi Xuân, tỉnh Thanh Hoá). Nếu Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh, (thành phố) nào (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: số 02/2017/QĐST- KDTM).
- (3) Ghi cụ thể lý do của việc đình chỉ giải quyết vụ án dân sự thuộc trường hợp nào quy định tại Điều 217 hoặc các điều luật khác của Bộ luật tố tụng dân sự (ví dụ: xét thấy nguyên đơn là cá nhân đã chết mà quyền, nghĩa vụ của họ không được thừa kế quy định tại điểm a khoản 1 Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự).
- (4) Ghi số, ngày tháng năm thụ lý vụ án (ví dụ: số 50/2017/TLST-KDTM).
- (5) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: “tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân”).
- (6), (7) và (8) Nếu nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là cá nhân, thì ghi họ tên và địa chỉ của cá nhân đó; nếu là cơ quan, tổ chức, thì ghi tên, địa chỉ trụ sở của cơ quan, tổ chức đó (ghi theo đơn khởi kiện).
- (9) Tùy vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự, (kể cả về tiền tạm ứng án phí).
- (10) Tùy từng trường hợp cụ thể mà ghi tên cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện (nếu có).